

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2025

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIẾNG NHẬT BẬC 4 (TƯƠNG ĐƯƠNG JLPT N3)
ĐỢT THỨ 01 NĂM 2025

**(Địa chỉ: cơ sở HungHau Campus - Khu chức năng 13E - Nguyễn Văn Linh, Phong Phú,
Nam Thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh)**

Môn kiểm tra: Tiếng Nhật bậc 4 (tương đương JLPT N3)

Ngày kiểm tra: 22/3/2025

Phòng kiểm tra: N4.PT01

CBCKTr1:

Ký tên:.....

Giờ kiểm tra: Chiều: 13:30 - 16:30 (Nghe - Đọc - Hán tự - Ngữ pháp)

CBCKTr2:

Ký tên:.....

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
1	VHU.TNB4.01.001	191A160026	Võ Phạm Huỳnh	Anh	21/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
2	VHU.TNB4.01.002	191A150143	Trịnh Nguyễn Hồng	Cầm	10/10/2001	Đồng Tháp		
3	VHU.TNB4.01.003	191A160075	Nguyễn Thị Mỹ	Chi	28/07/2001	Ninh Thuận		
4	VHU.TNB4.01.004	171A160091	Tạ Thành	Đạt	18/07/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
5	VHU.TNB4.01.005	161A150157	Lê Ngọc	Đông	28/12/1998	Hà Nội		
6	VHU.TNB4.01.006	201A160054	Đỗ Thị Quỳnh	Giang	22/03/2000	Đồng Nai		
7	VHU.TNB4.01.007	201A160177	Nguyễn Thị Mỹ	Hoà	24/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
8	VHU.TNB4.01.008	201A160115	Đỗ Lê Quốc	Khải	26/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
9	VHU.TNB4.01.009	191A160104	Nguyễn Như	Linh	03/01/2001	Bình Thuận		
10	VHU.TNB4.01.010	191A150080	Tổng Thị Mai Ngọc	Loan	25/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu		
11	VHU.TNB4.01.011	181A150244	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	01/01/2000	Bến Tre		
12	VHU.TNB4.01.012	201A160028	Võ Phạm Phương	Ngân	11/11/2002	Bình Thuận		
13	VHU.TNB4.01.013	191A160129	Phạm Cao Dương	Nhi	13/05/2001	Bình Dương		
14	VHU.TNB4.01.014	191A160050	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	15/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
15	VHU.TNB4.01.015	161A150139	Tổng Đặng Yến	Như	20/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh		
16	VHU.TNB4.01.016	161A150012	Đoàn Gia	Phúc	23/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
17	VHU.TNB4.01.017	201A160039	Nguyễn Thị Ngọc	Phụng	03/12/2002	Tiền Giang		
18	VHU.TNB4.01.018	201A160036	Mai Thị Như	Quỳnh	03/12/2002	Tiền Giang		
19	VHU.TNB4.01.019	181A160137	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	16/09/1999	Đắk Lắk		
20	VHU.TNB4.01.020	181A160151	Văn Đức	Tiến	21/08/2000	Phú Yên		

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chữ ký thí sinh	Ghi chú
21	VHU.TNB4.01.021	201A160105	Nguyễn Trần Diễm	Tú	22/06/2002	Bình Thuận		
22	VHU.TNB4.01.022	181A160078	Huỳnh Thị Như	Thảo	01/07/2000	Bến Tre		
23	VHU.TNB4.01.023	151A150816	Nguyễn Thị Phương	Thảo	09/08/1996	Thành phố Hồ Chí Minh		
24	VHU.TNB4.01.024	201A160163	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	28/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
25	VHU.TNB4.01.025	191A160155	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
26	VHU.TNB4.01.026	201A160029	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/06/2002	Thành phố Hồ Chí Minh		
27	VHU.TNB4.01.027	151A150835	Nguyễn Lữ Lệ	Thắm	03/02/1997	Thành phố Hồ Chí Minh		
28	VHU.TNB4.01.028	191A160092	Nguyễn Thị Diễm	Thùy	07/04/2001	Khánh Hoà		
29	VHU.TNB4.01.029	191A160018	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	17/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh		
30	VHU.TNB4.01.030	191A150065	Trần Hoàng Mộng	Vân	08/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh		
31	VHU.TNB4.01.031	181A150274	Võ Thị Thanh	Vân	11/08/2000	Bình Thuận		
32	VHU.TNB4.01.032	211A160103	Lê Quang	Vinh	08/01/1996	An Giang		
33	VHU.TNB4.01.033	181A160127	Phạm Ngọc Lan	Vy	31/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh		
34	VHU.TNB4.01.034	191A080234	Võ Thị Như	Ý	12/10/2000	Đồng Tháp		
35	VHU.TNB4.01.035	181A160036	Quách Ngọc	Yến	01/08/1999	Bạc Liêu		

Tổng số thí sinh theo danh sách:.....
Số thí sinh dự kiểm tra:.....
Số thí sinh vắng kiểm tra:.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Tuyết